

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TU MƠ RÔNG
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HS-ST

Ngày: 13 - 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TU MƠ RÔNG- TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Tài;

Các hội thẩm nhân dân:

Ông : Đặng Quốc Dũng; Bà Y Hoa;

Thư ký ghi phiên tòa: Ông Nguyễn Công Phúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tu Mơ Rông;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tu Mơ Rông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phu- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tu Mơ Rông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 16/10/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

A B; Tên gọi khác: không; sinh ngày 09/01/1997 tại huyện T, tỉnh K. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Làng C, xã M, huyện T, tỉnh K ; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Xê Đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A N, sinh năm 1972 và Bà Y D, sinh 1959; Vợ: Y Đ, sinh 1992; Có hai con, con lớn A K, sinh 2011; con nhỏ Y N, sinh 2016, đều trú tại Làng C, xã M, huyện T, tỉnh K.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân : Tốt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14 tháng 8 năm 2018 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị hại:*** Công ty cổ phần Sâm N;

Địa chỉ : 245 Lê Hồng Phong- phường Q - thành phố K- tỉnh K

- ***Người đại diện theo pháp luật :*** Ông Trần H - Tổng giám đốc Công ty cổ phần sâm N.

-***Người đại diện theo uỷ quyền:*** Ông A BL- nhân viên Công ty Công ty cổ phần sâm N. Văn bản uỷ quyền ngày 16/11/2018. (Vắng mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Anh A N, sinh năm 1983; Trú tại: Làng C, xã M, huyện T, tỉnh K . (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Khoảng 7 giờ sáng ngày 15/5/2018 A B từ nhà mình Làng C, xã M, huyện T, tỉnh K đi bộ đến khu vực trồng sâm ngọc linh tại tiểu khu 227 thuộc làng N, xã M, huyện T của Công ty cổ phần N do Ông A B được Công ty cổ phần sâm N giao quản lý. Đến khoảng 8 giờ ngày 15/5/2018 sau khi quan sát không thấy người bảo vệ B lén lút đi vào chốt sâm số 15 nhổ trộm 05 gốc sâm ngọc linh giấu vào người rồi quay về nhà. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì mang đi bán cho anh A N được 1.600.000đ. Khoản tiền này A B đã tiêu xài cá nhân hết. Sáng ngày 16/5/2016 Ông A BL nghe người dân trong làng C nói A B nhổ trộm sâm ngọc linh đem bán cho anh A N nên đi kiểm tra thì phát hiện ở chốt sâm số 15 (Vườn trồng sâm ngọc linh) đã bị mất 05 gốc sâm ngọc linh, ông A BL đã gặp A N, A N khai nhận có mua của A B người cùng thôn 05 gốc sâm ngọc linh và đưa ra cho ông A BL xem. Sau khi xem ông ABL xác định 05 gốc sâm ngọc linh này là đã bị nhổ trộm tại chốt sâm số 15 nơi ông được giao quản lý.

Bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐ ngày 27/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tu Mơ Rông xác định 05 gốc sâm ngọc linh có trị giá là 6.700.000đ (sáu triệu bảy trăm nghìn đồng)

Bản cáo trạng số: 02/CT-VKS ngày 16/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tu Mơ Rông đã truy tố bị cáo AB về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tu Mơ Rông vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự đề nghị :

Xử phạt: A B từ 09 tháng đến 12 tháng tù giam

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX xử lý theo quy định của pháp luật. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Lời nói sau cùng của bị cáo:

A B: Do nhận thức kém về pháp luật nên đã nhổ trộm 05 gốc sâm ngọc linh của Công ty cổ phần sâm N. Bị cáo đã nhận thức được việc làm sai trái của mình, mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan điều tra Công an huyện Tu Mơ Rông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tu Mơ Rông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo xuất trình

tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; những người tham gia tố tụng trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi cấu thành tội phạm: Quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa, bị cáo AB đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần sâm N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, và các tình tiết khách quan đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tu Mơ Rông thu thập có tại hồ sơ vụ án, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo đã được mô tả tại bản cáo trạng số: 02/CT-VKS ngày 16/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tu Mơ Rông thể hiện: Khoảng 7h ngày 15/5/2018 lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của Công ty cổ phần sâm ngọc linh Kon Tum, A B đã lén lút đi vào chốt sâm số 15 khu vực trồng sâm ngọc linh của Công ty cổ phần sâm N để trộm cắp 05 gốc sâm ngọc linh.

Kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐ ngày 27/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tu Mơ Rông Xác định 05 gốc sâm ngọc linh là 6.700.000đ (sáu triệu bảy trăm nghìn đồng), sau đó đem B bán cho anh A N được 1.600.000đ và dùng số tiền này vào việc tiêu sài cá nhân. Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Đại diện theo ủy quyền của người bị hại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i,s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Công ty sâm N, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân. Vì vậy HĐXX thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có anh A N là người đã mua 05 gốc sâm ngọc linh mà bị cáo đã trộm cắp, nhưng A N không biết số sâm này là do A B trộm cắp mà có. Do đó, không đủ căn cứ để xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự đối với AN về hành vi “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về trách nhiệm dân sự:

Đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần sâm N không có yêu cầu gì nên

HĐXX không xem xét. Đối với khoản tiền 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) mà anh A N trả cho bị cáo A B khi mua sâm, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa anh A N vẫn yêu cầu bị cáo phải trả lại khoản tiền này cho anh. HĐXX thấy cần buộc bị cáo A B phải hoàn trả 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) cho anh A N là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về vật chứng: 05 gốc sâm ngọc linh cơ quan điều tra đã trả cho Công ty cổ phần sâm N, nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Bị cáo bị kết án và phải trả số tiền 1.600.000đ cho anh A N, nên phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 38 của Bộ luật hình sự ;

1. *Tuyên bố:* Bị cáo A B phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
- Xử phạt bị cáo A B 09(Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo A B, phải hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh A N số tiền 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Áp dụng Điều 357 BLDS anh A N có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

3. *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 21; Điểm a, c, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và kèm theo danh mục mức án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo AB phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng tiền án phí HS,DS sơ thẩm bị cáo phải nộp là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)

4. *Về quyền kháng cáo đối với Bản án:* Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/11/2018). Bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ, để xin xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tu Mơ Rông;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Công an huyện Tu Mơ Rông;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- PV 27 Công an tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Ngô Đình Tài